TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/KDTM- ST
Ngày: 26/4/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mạc Thị Lan.

2. Bà Hoàng Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trí- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST-KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-KDTM ngày 19-11-2018, các Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐST-KDTM ngày 30-11-2018, số 05/2018/QĐST-KDTM ngày 03-12-2018, Quyết định ngừng phiên tòa số: 01/2018/QĐST-KDTM ngày 14-12-2018, Thông báo mở lại phiên tòa số: 01/2019/TB-TA ngày 01-3-2019, Quyết định ngừng phiên tòa số: 01/2019/ QĐST-KDTM ngày 19-3-2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 02/2019/TB-TA ngày 17-4-2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ: số 2 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng P- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - chi nhánh H II (theo Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng số: 539/QĐ-HĐTV-PC ngày 28 tháng 5 năm 2018)

Người được ông P ủy quyền lại: Bà Nguyễn Giang A- Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N- chi nhánh Đ II (theo Giấy ủy quyền số: 2293A/NHNo-HDII-TH ngày 02 tháng 10 năm 2018)

- *Bị đơn:* Ông Đồng Văn T, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Th sinh năm 1955 (Bà Th ủy quyền cho ông T)

Đều trú tại: khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất nội dung như sau:

Ngày 1-12-2016, Ngân hàng N - Chi nhánh Đ (nay được đổi tên là Chi nhánh Đ II) ký kết hợp đồng tín dụng số: 16190386 với ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị Th. Ông T là đại diện hộ kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 04A-575CL của Phòng tài chính kế hoạch-UBND thị xã (nay là thành phố) C. Nội dung hợp đồng tín dụng: Ngân hàng N - Chi nhánh Đ II (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cho ông T và bà Th vay số tiền với hạn mức tín dụng tối đa là 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng). Mục đích cho vay để kinh doanh vật liệu xây dựng theo ngành nghề kinh doanh của gia đình ông T, bà Th. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cuối cùng trả nợ gốc là ngày 1-12-2017, tiền lãi trả theo kỳ hạn 3 tháng/1 kỳ cụ thể theo giấy nhận nợ. Mức lãi suất cho vay là 8,5 %/năm, có áp dụng phương pháp, thời điểm điều chỉnh lãi suất theo quy định.

Để đảm bảo khoản vay trên, ông T và bà Th đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số:16190386 và 16190387 ngày 1-12-2016 với nội dung: thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 39, tờ bản đồ số 03 thuộc sở hữu của ông T, bà Th ở địa chỉ thôn K, xã V, thị xã C, tỉnh Hải Dương (nay là khu dân cư K, phường V, thành phố C) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 695245, vào sổ cấp số: CH 03989 do UBND thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương cấp ngày 29-11-2016. Trên đất có 1 nhà ngói diện tích 50m^2 ; thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 437, tờ bản đồ số 03 thuộc sở hữu của ông T, bà Th ở địa chỉ thôn K, xã V, thị xã C, tỉnh Hải Dương (nay là khu dân cư K, phường V, thành phố C) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 860702, vào sổ cấp số: CH 03240 do UBND thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương cấp ngày 03-7-2013. Trên đất có xây 1 nhà mái bằng 2 tầng diện tích 260m^2.

Ngày 2-12-2016, ông T, bà Th đã nhận nợ số tiền 2.300.000.000 đồng.

Trong thời hạn vay, ông T và bà Th trả được tiền lãi theo định kỳ. Khi hết thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng đã ký kết, ông T và bà Th vẫn có nhu cầu vay vốn nên ngày 30-11-2017, Ngân hàng và ông T, bà Th (bà Th đã ủy quyền cho ông T) ký hợp đồng tín dụng số: 601245 với số tiền vay, hạn mức tín dụng và tài sản thế chấp như Hợp đồng vay ngày 01-12-2016.

Kể từ đó đến ngày 26-3-2018 (thời điểm khởi kiện), ông T và bà Th không thanh toán được lãi theo Hợp đồng. Ngân hàng đã thực hiện thông báo xử lý tài sản nhưng ông T và bà Th không tự nguyện bàn giao tài sản để Ngân hàng làm thủ tục xử lý thu hồi nợ. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông T và bà Th buộc phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 26-3-2018 là: 2.543.017.361 đồng (trong đó nợ gốc là: 2.300.000.000 đồng, nợ lãi là: 243.017.361 đồng). Nếu ông T, bà Th không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T và bà Th vẫn tiếp tục có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Ông T xác định quá trình ký kết hợp đồng đều đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định, số tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng như Ngân hàng trình bày là đúng và chấp nhận trả nợ tiền vay theo yêu cầu của Ngân hàng nhưng đề nghị Ngân hàng cho phương án trả nợ dần theo tháng, đến khi nào trả hết khoản nợ. Số tiền trả dần theo tháng phụ thuộc vào thu nhập của ông, chứ không cố định một số tiền cụ thể. Nếu ngân hàng không chấp nhận thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đến nay, ông đã trả 60.000.000 đồng vào số dư nợ gốc.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Ông T đề nghị Ngân hàng cho ông thêm thời gian để ông bán diện tích đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 03, diện tích 670m^2 ở khu dân cư K, phường V lấy tiền trả Ngân hàng. Đại diện nguyên đơn xác định hiện nay ông , bà Th đã trả được 60.000.000 đồng tiền gốc và không đồng ý với ý kiến của ông T về việc cho thêm thời gian để ông bán đất vì Ngân hàng đã cho ông T thời gian từ tháng 3 năm 2018 đến nay nhưng ông T vẫn không bán được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: đề nghị áp dụng các Điều 317, 320, 323, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông T và bà Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc: 2.240.000.000 đồng, số tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử 26-4-2019 là: 559.674.236 đồng. Nếu ông T và bà Th không thanh toán được thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ.

Về án phí: Ông T và bà Th được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị Th có địa chỉ cư trú tại phường V, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Các đương sự đều xác định về việc giữa Ngân hàng N với ông Đồng Văn T, bà Nguyễn Thị Th có ký hợp đồng tín dụng vay số tiền 2.300.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay trên, các bên cũng ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với những tài sản thuộc sở hữu của ông T, bà Th. Việc ký các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đều trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đến nay, ông T và bà Th không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông bà phải thanh toán tiền gốc theo hợp đồng là: 2.240.000.000 đồng, tiền lãi là: 559.674.236 đồng. Ông T và bà Th cũng thừa nhận số tiền gốc và lãi còn nợ Ngân hàng như nguyên đơn trình bày là đúng và đồng ý trả nợ. Như vậy, đây là sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T và bà Th phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh như nêu trên. Trong trường hợp, ông T, bà Th không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên tài sản bảo đảm.

[2.2]. Đối với ý kiến của ông T về việc trả nợ dần theo định kỳ hàng tháng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ hoặc cho ông thêm thời gian để bán tài sản thế chấp lấy tiền trả nợ: ý kiến này của ông T không được nguyên đơn chấp

nhận và không phù hợp với nội dung của hợp đồng tín dụng đã ký kết nên không có căn cứ xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản thế chấp: Đối với tài sản thế chấp là diện tích đất ở tại thửa đất số 437, tờ bản đồ số 03, địa chỉ KDC K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 860702, vào sổ cấp số: CH 03240 do UBND thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương cấp ngày 03-7-2013. Trên đất có 1 ngôi nhà 2 tầng mái bằng. Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ xác định chiều rộng của ngôi nhà này xây sang phần đất phía Nam giáp đất của anh Đồng Văn Th (là cháu ông T) 10cm. Ông T thừa nhận khi xây nhà do thợ xây lấy mốc sai nên chiều rộng ngôi nhà là 4,1m (trong khi đất nhà ông được cấp chiều rộng là 4m). Tuy nhiên do anh Th là cháu nên ông T cũng trao đổi để anh Th biết và anh Th cũng không có ý kiến gì. Tại quá trình làm việc với Tòa án, anh Th cũng nhất trí về nội dung này, không có bất kỳ ý kiến gì và đề nghị không đưa anh tham gia tố tụng tại Tòa án. Quan điểm trên của anh Th là tự nguyện, phù hợp nên Tòa án không đưa anh Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông T và bà Th đều là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 317, 320, 323, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xác định đến hết ngày 26-4-2019, ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị Th còn nợ Ngân hàng N khoản tiền vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết là: 2.240.000.000 đồng. Số lãi phát sinh theo hợp đồng đến hết ngày 26-4-2019 là: 559.674.236 đồng. Tổng cộng là: 2.799.674.236 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: xử buộc ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả Ngân hàng N tổng số tiền: 2.799.674.236 đồng (*Hai tỷ, bảy trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng)*

Ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị Th tiếp tục thanh toán toàn bộ phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng N kể từ ngày 27-4-2019 cho đến khi khoản nợ của ông T và bà Th được tất toán. Nếu ông T và bà Th không thanh toán được thì Ngân hàng N có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 39 tờ bản đồ số 03 diện tích 670m^2 tại thôn V, thị xã C, tỉnh Hải Dương được UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp GCNQSDĐ vào sổ số CH 03989 ngày 29/11/2016 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 437 tờ bản đồ 03 tại xã V, thị xã C, tỉnh Hải Dương được UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp GCNQSDĐ vào sổ số CH 03240 ngày 03/7/2013; cả 2 thửa đất trên đều đứng tên ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị Th Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán khoản nợ của ông T và bà Thtại Ngân hàng N. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T và bà Th vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng.

3. Về án phí: Trả lại Ngân hàng N số tiền 41.430.174 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0000840 ngày 14/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Ông Đồng Văn T và bà Đỗ Thị Th được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà